

VN-Index **1780.68 (-0.25%)**

727 Tr. cổ phiếu 15160.2 Tỷ VND (-1.16%)

HNX-Index **271.31 (-0.33%)**

52 Tr. cổ phiếu 817.2 Tỷ VND (43.50%)

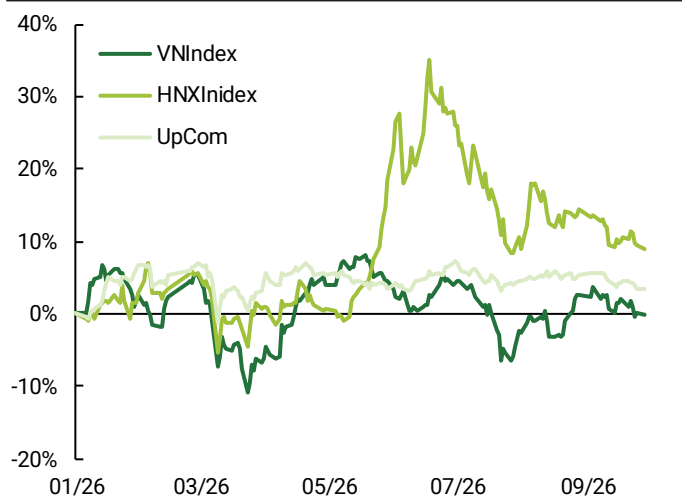
UPCOM-Index **124.96 (-0.20%)**

20 Tr. cổ phiếu 399.3 Tỷ VND (-7.26%)

VN30F1M **1923.50 (-0.95%)**

187,478 HD OI: 36,827 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1780.7, giảm -4.4 điểm (-0.25%). Khớp lệnh tăng với độ rộng nghiêng về bên bán. Đà giảm cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Ngân hàng kéo giảm chỉ số chung nhiều nhất, trong khi nhóm Dầu khí ngược chiều và đóng góp tích cực vào đà tăng, dôi theo diễn biến giá dầu thế giới.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Điện, nước & xăng dầu khí đốt: POW (+1.6%), GAS (+3.7%) | Dầu khí: PLX (+1.7%), PVD (+3.6%), BSR (+6.6%) | Bảo hiểm: MIG (+3.2%), BVH (+7.0%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: KOS (-6.9%), NVL (-6.8%), HDC (-4.9%) | Ngân hàng: SSB (-3.1%), LPB (-2.1%), VIB (-1.9%) | Thực phẩm và đồ uống: ANV (-4.1%), PAN (-2.2%), VHC (-1.8%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VTP (-2.5%), APH (-1.6%), GEE (-1.5%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | BSR, GAS, BVH, VHM, TCB - Chiều giảm | MCH, HPG, LPB, TCB, GVR
- Khối ngoại: Bán ròng hơn 290 tỷ, tập trung nhiều ở VPB, BVH, CTG, trong khi mua ròng BSR, DCM, STB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** đóng cửa với mẫu hình nến Hammer nhưng khớp lệnh ở mức thấp chưa xác nhận cho động lực mua lên. Các chỉ báo động lượng cũng chưa có chuyển biến rõ ràng, cho thấy phản ứng bật tăng mang tính kỹ thuật khi chỉ số tiếp cận hỗ trợ quanh ngưỡng MA50 ngày. Để xác nhận nhịp phục hồi, chỉ số cần vượt và củng cố được trên ngưỡng 1825 điểm, nếu không, đà tăng có thể sớm suy yếu trở lại. Chiều ngược lại, nếu đánh mất mốc 1770 điểm, áp lực giảm khả năng mở rộng về vùng 1700 - 1720 điểm.
- Đối với HNX-Index**, áp lực cung trở lại chi phối đẩy chỉ số về vùng tích lũy 270 - 275. Đà tăng được xác nhận khi chỉ số bứt phá được ngưỡng 280. Trái lại, nếu giá quay lại mất mốc 270, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 260 điểm.
- Chiến lược:** Chuẩn bị cho kịch bản phòng thủ. Đối với tỷ trọng danh mục tổng thể, nếu chỉ số phá vỡ mốc 1770 điểm, nên hạ về mức trung bình. Chỉ cần nhắc gia tăng khi VN-Index trở lại vận động trên ngưỡng 1825 điểm. Đối với từng cổ phiếu, nên quản trị theo tín hiệu riêng, hạ bớt vị thế ở các mã đã đánh mất các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, trong khi chỉ nên ưu tiên nắm giữ các mã vẫn còn giữ được cấu trúc xu hướng. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Bán lẻ, Vận tải-Cảng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua VTO (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa		% Thay đổi		Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
			(%) 1D	(%) 1W		(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần
Theo chỉ số												
VN-Index	1,780.7 ▼	-0.2%	-1.1%	-2.8%	15,160.2 ▼	-1.2%	-12.8%	-12.9%	727.1 ▲	7.2%	10.4%	12.7%
HNX-Index	271.3 ▼	-0.3%	-1.1%	-4.7%	817.2 ▲	43.5%	7.5%	-29.6%	52.2 ▲	24.2%	20.8%	-27.5%
UPCOM-Index	125.0 ▼	-0.2%	-1.1%	-2.0%	399.3 ▼	-7.3%	-24.3%	1.1%	20.5 ▼	-24.4%	-35.8%	-35.2%
VN30	1,922.4 ▼	-0.8%	-1.6%	-3.1%	8,030.6 ▼	-8.3%	-31.5%	-28.4%	274.2 ▼	-2.4%	-22.4%	-12.7%
VNMID	1,853.0 ▼	-1.0%	-1.0%	-6.2%	5,960.0 ▲	8.2%	29.5%	10.2%	322.0 ▲	14.4%	36.5%	14.9%
VNSML	1,232.7 ▼	-0.6%	0.3%	-2.4%	942.2 ▲	12.4%	32.7%	82.3%	72.8 ▲	33.9%	44.3%	85.0%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	628.7 ▼	-0.5%	-1.05%	-2.2%	4,691.5 ▼	-22.6%	-10.0%	9.7%	217.5 ▼	-20.1%	-8.1%	15.3%
Bất động sản	991.2 ▼	-0.1%	-0.8%	-3.1%	2,268.9 ▲	6.1%	-2.9%	-13.0%	106.9 ▲	35.4%	22.0%	38.4%
Dịch vụ tài chính	261.3 ▼	-2.2%	-3.0%	-10.3%	2,178.6 ▲	76.0%	33.9%	37.8%	124.2 ▲	69.9%	30.9%	37.7%
Công nghiệp	238.4 ▼	-0.2%	5.6%	3.0%	962.7 ▲	8.6%	-21.3%	17.8%	40.7 ▲	40.3%	-3.0%	29.3%
Tài nguyên cơ bản	449.4 ▼	-1.9%	-3.6%	-7.9%	786.8 ▲	15.4%	38.2%	70.5%	42.6 ▲	14.6%	36.9%	69.0%
Xây dựng - Vật Liệu	153.0 ▼	-0.9%	0.4%	-3.1%	392.2 ▲	11.9%	-5.8%	25.0%	26.0 ▲	25.8%	5.7%	31.4%
Thực phẩm	487.0 ▼	-1.0%	-1.0%	-3.2%	762.2 ▼	-24.9%	-28.8%	-7.2%	22.4 ▼	-22.9%	-15.8%	6.2%
Bán Lẻ	1,408.9 ▼	-0.7%	1.8%	-2.3%	381.6 ▼	-28.9%	-36.7%	-28.7%	6.0 ▼	-19.7%	-35.9%	-29.2%
Công nghệ	377.3 ▼	-1.6%	-3.8%	-4.4%	404.3 ▲	11.2%	0.9%	-15.9%	7.3 ▲	3.4%	-12.0%	-11.4%
Hóa chất	170.1 ▼	-1.0%	0.7%	1.8%	458.7 ▲	20.9%	17.5%	35.2%	18.5 ▲	27.4%	17.3%	37.3%
Tiện ích	766.8 ▲	2.1%	-1.5%	0.7%	328.0 ▲	46.5%	21.5%	29.1%	18.1 ▲	89.6%	49.5%	72.6%
Dầu khí	122.6 ▲	5.3%	0.9%	14.2%	762.8 ▼	-3.8%	-1.06%	22.6%	28.8 ▼	-3.5%	1.7%	28.7%
Dược phẩm	390.4 ▼	-0.2%	0.6%	-0.6%	94.1 ▼	-25.9%	-8.9%	22.2%	2.6 ▼	-19.6%	-3.8%	-7.0%
Bảo hiểm	113.4 ▲	5.8%	3.7%	12.1%	290.0 ▲	593.9%	175.6%	438.1%	4.4 ▲	558.8%	171.2%	393.7%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,780.7 ▼	-0.25%	-0.2%	13.6x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,602 ▼	-0.33%	27.2%	15.2x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,148 ▼	-1.51%	-28.9%	13.6x	1.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,415 ▼	-0.34%	0.9%	15.0x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,789 ▼	-0.64%	-4.4%	8.7x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,824 ▼	-1.67%	-3.7%	16.7x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	24,643 ▬	0.54%	-3.9%	12.0x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	65,878 ▼	-0.73%	30.9%	21.1x	2.9x
S&P 500	Mỹ	7,743 ▬	0.51%	13.1%	26.5x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	51,829 ▬	0.93%	7.8%	22.7x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,725 ▬	0.28%	8.0%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,300 ▼	-0.04%	8.8%	17.1x	2.5x
DXV		101.1 ▬	0.18%	2.9%		
USDVND		25,971 ▼	-0.012%	-1.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

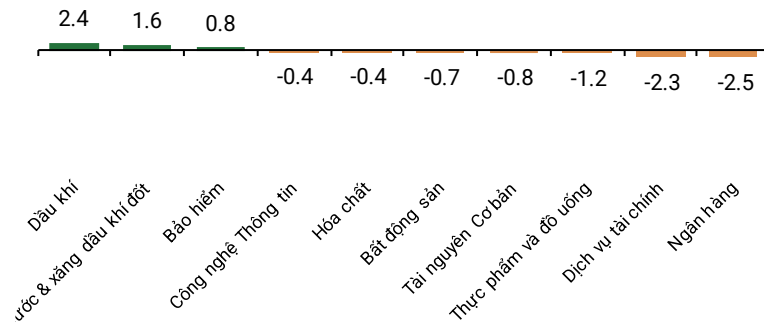
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	4.03%	21.5%	78.3%	54.7%
Dầu WTI	▲	4.20%	15.5%	67.7%	46.5%
Khí gas	▼	-4.4%	5.8%	-17.1%	7.8%
Than cốc (*)	▬	0.0%	16.3%	48.6%	54.0%
Thép HRC (*)	▼	-0.3%	-1.3%	0.9%	-2.9%
PVC (*)	▼	-0.3%	6.9%	4.1%	-2.4%
Phân Urea	▼	-3.3%	8.6%	22.8%	18.1%
Cao su thiên nhiên	▼	-1.5%	5.0%	40.3%	45.3%
Bông Cotton	▬	0.0%	-12.2%	22.8%	23.4%
Đường	▬	0.9%	0.5%	17.6%	11.2%
World Container Index	▬	0.0%	-0.1%	101.9%	153.7%
Baltic Dirty tanker Index	▲	2.2%	93.2%	306.8%	367.4%
Vàng	▼	-3.08%	-6.8%	-3.9%	10.4%
Bạc	▼	-4.55%	-7.5%	-14.4%	33.2%

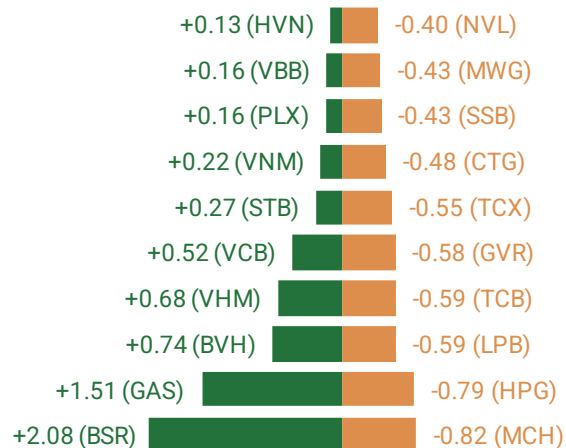
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

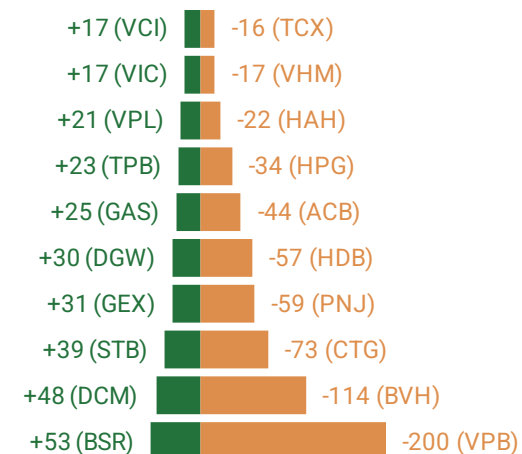
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



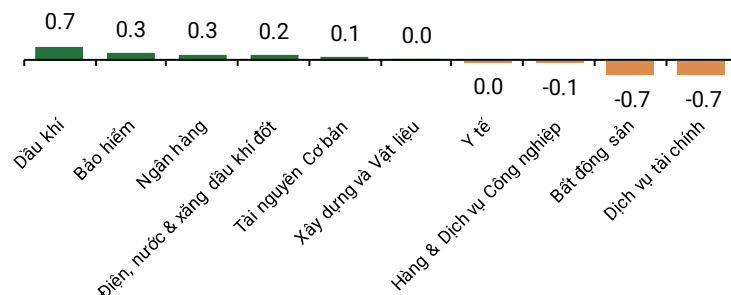
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



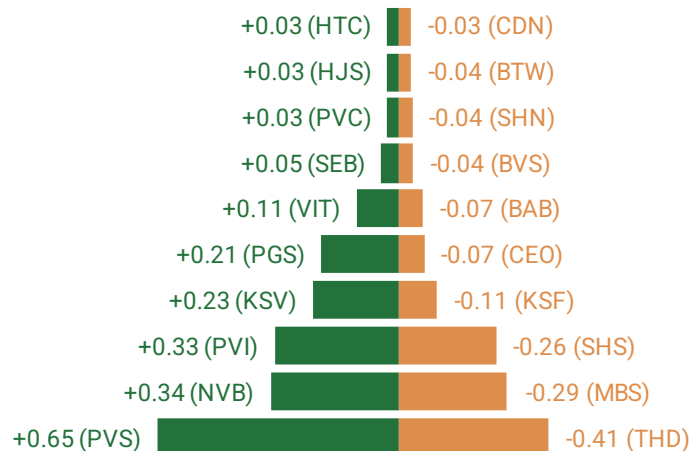
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



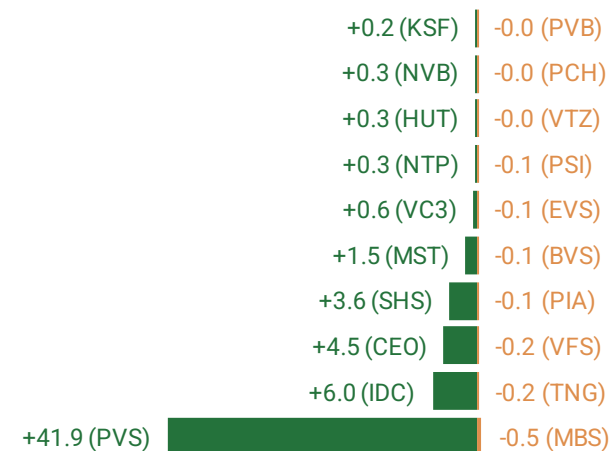
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



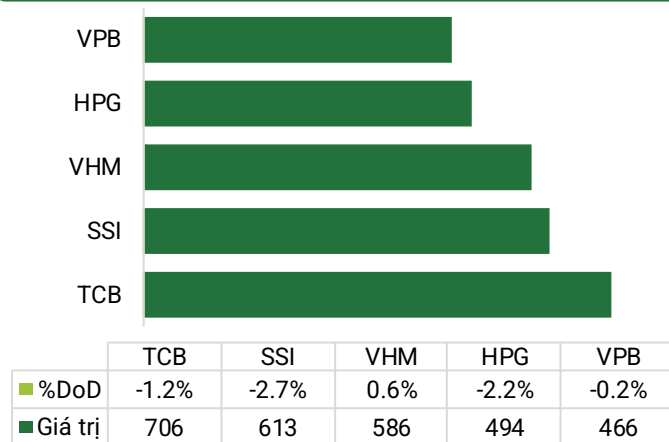
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



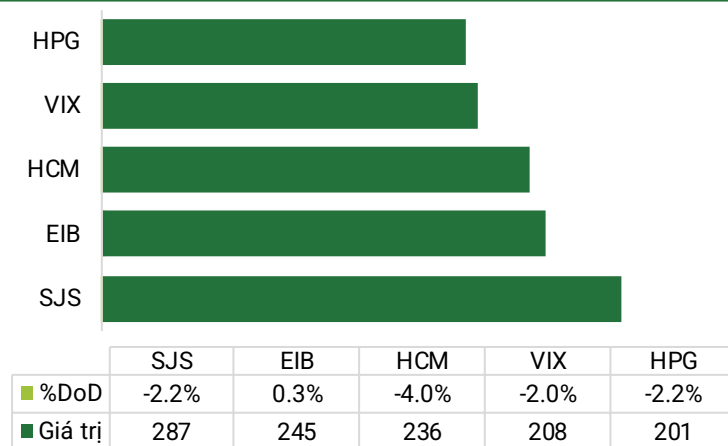
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

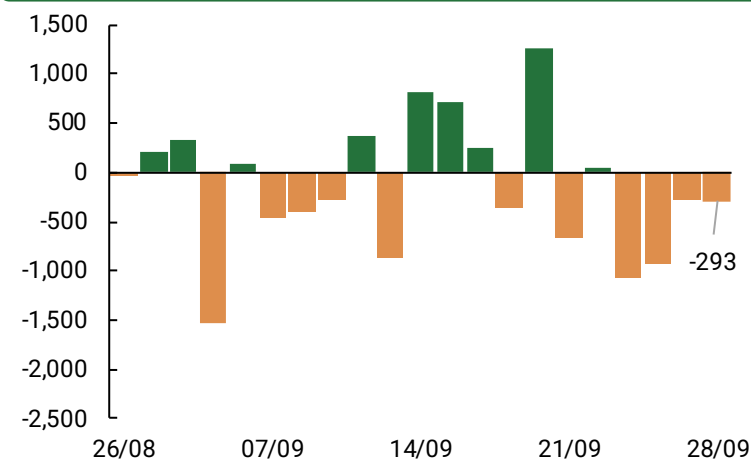


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

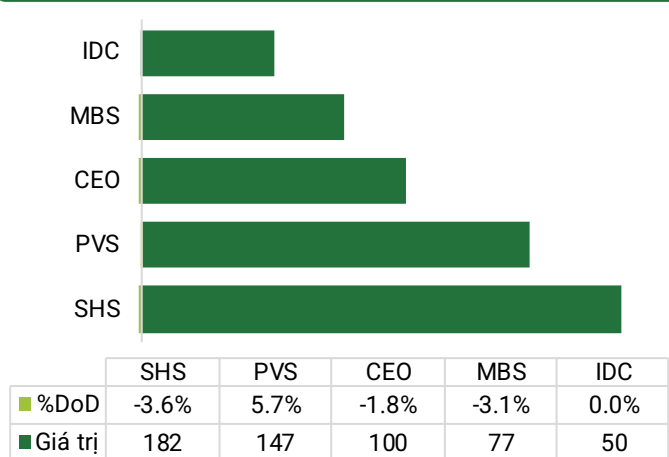


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

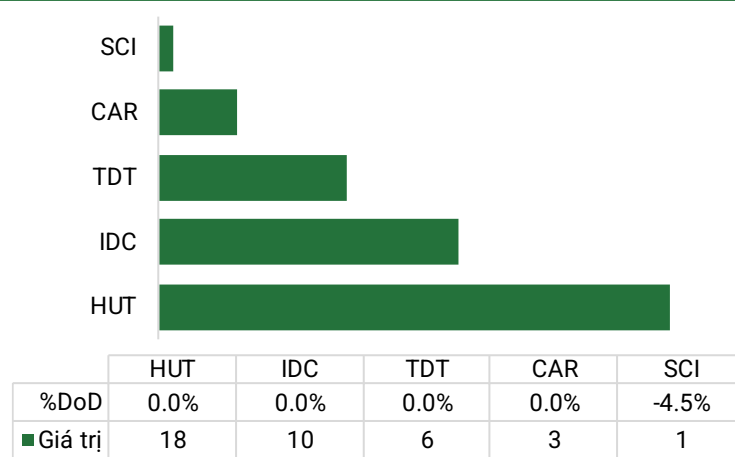
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



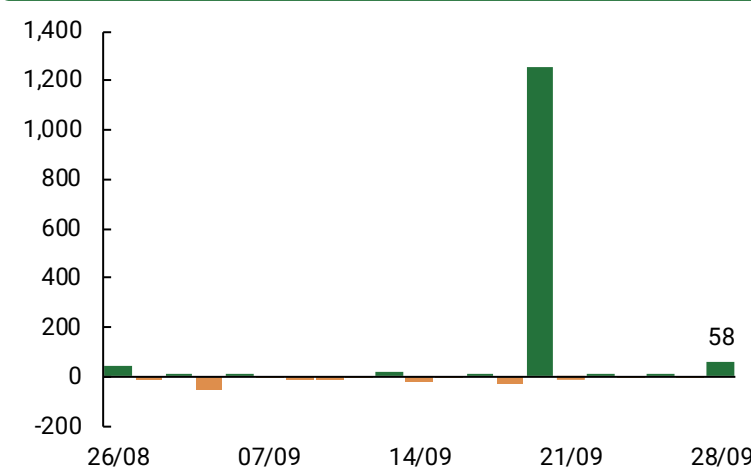
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Hammer, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 | 1770.
- ✓ Kháng cự: 1825 | 1880.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Phản ứng bật tăng khi tiếp cận MA50 ngày mang tính kỹ thuật, trong khi áp lực điều chỉnh nhìn chung vẫn đang chiếm ưu thế. Kháng cự gần hiện quanh vùng 1800 – 1820 điểm. Đà tăng có độ tin cậy cao hơn khi chỉ số vượt được ngưỡng 1825 điểm. Chiều ngược lại, ngưỡng 1770 điểm tiếp tục là hỗ trợ quan trọng, nếu bị phá vỡ, đà giảm khả năng mở rộng về vùng 1700 – 1720 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ thân lớn, bóng dưới nhỏ, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1860 | 1920
- ✓ Kháng cự: 1980 | 2050.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Phản ứng bật tăng khi tiếp cận MA50 ngày mang tính kỹ thuật, trong khi áp lực điều chỉnh nhìn chung vẫn đang chiếm ưu thế. Kháng cự gần hiện quanh vùng 1960 – 1980 điểm. Đà tăng có độ tin cậy cao hơn khi chỉ số vượt được ngưỡng 1980 điểm. Chiều ngược lại, ngưỡng 1920 điểm tiếp tục là hỗ trợ quan trọng, nếu bị phá vỡ, đà giảm khả năng mở rộng về vùng 1860 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	VTO	BUY	Current price	11.05		P/E (x)	6.7
Exchange	HOSE		Action price	28/09	10.7 - 10.8	P/B (x)	0.7
Sector	Marine Transportation		Target price	11.8	9.8%	EPS	1659.4
			Cut loss	10.2	-5.1%	ROE	11.4%
						Stock Rating	A
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định tốt khu vực MA10 ngày.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền cải thiện.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu cùng với RSI cũng tăng trên trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Khu vực 10.4 đã kiểm định giữ vai trò hỗ trợ mạnh.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh yếu dần và giá khả năng tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VTO	Mua	28/09/2026	11.1	10.7 - 10.8	-	11.8	9.8%	10.2	-5.1%	Cập nhật trên Elite Picks

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	---------------------------	--------------	---------------	----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1923.5, giảm 18.5 điểm (-1.0%). Giá chịu áp lực điều chỉnh trong phần lớn thời gian giao dịch.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD thu hẹp với đường signal nhưng vẫn nằm dưới miền âm, hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn chi phối. Tuy nhiên, khu vực 1920 cho thấy phản ứng kiểm định tốt, có thể xuất hiện nhịp hồi kỹ thuật. Vị thế Long cân nhắc khi giá trở lại vận động trên ngưỡng 1930. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1917.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1822.1, giảm 18.4 điểm (-1.0%). Độ lệch basis 0.3 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 135 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1815 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1835 điểm.

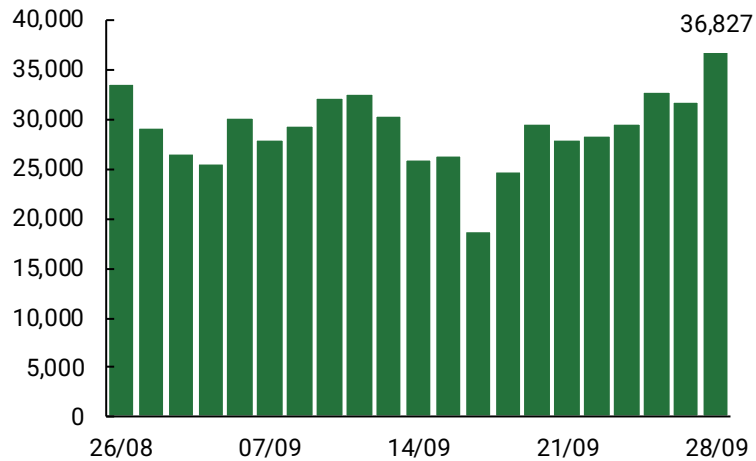
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1930	1944	1922	14 : 8
Short	< 1917	1902	1925	15 : 8

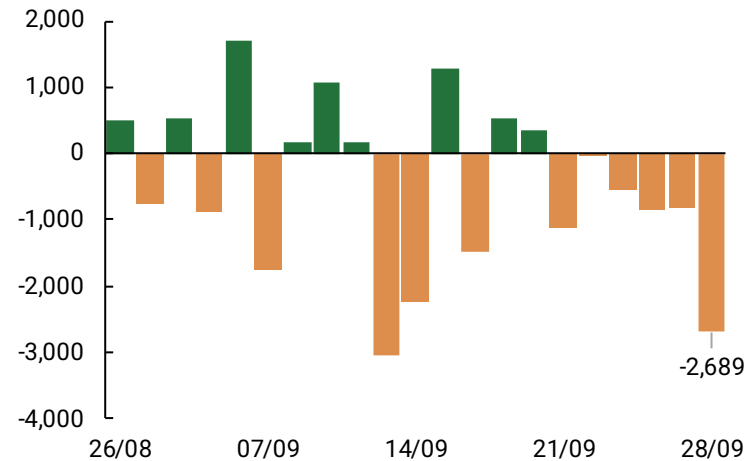
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,919.5	-15.4	40	312	1,938.4	-18.9	18/03/2027	171
4111GC000	1,919.5	-25.2	55	731	1,929.9	-10.4	17/12/2026	80
4111GB000	1,919.0	-20.0	337	634	1,927.3	-8.3	19/11/2026	52
4111GA000	1,923.5	-18.5	187,478	36,827	1,924.0	-0.5	15/10/2026	17
4112GA000	1,822.1	-18.4	135	132	1,823.3	-1.2	15/10/2026	17

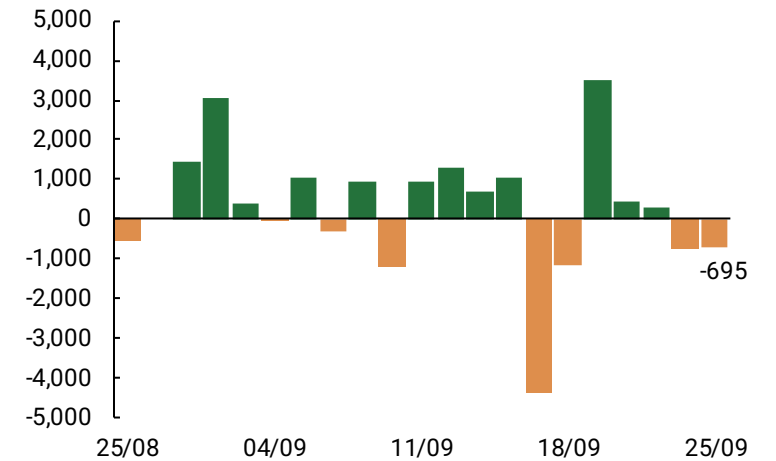
Khối lượng mở (Open interest)



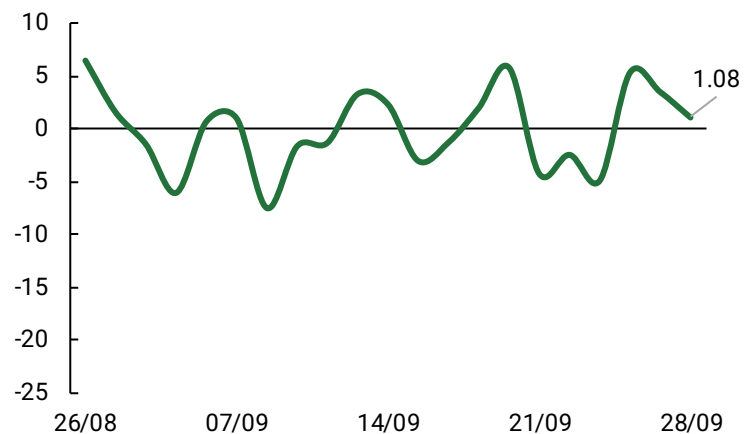
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



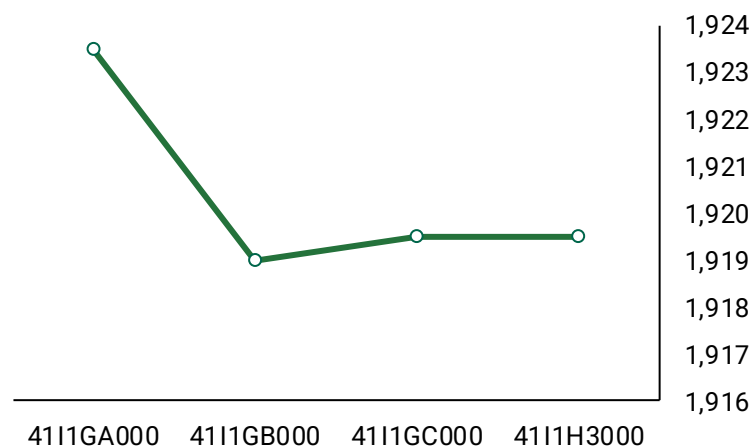
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



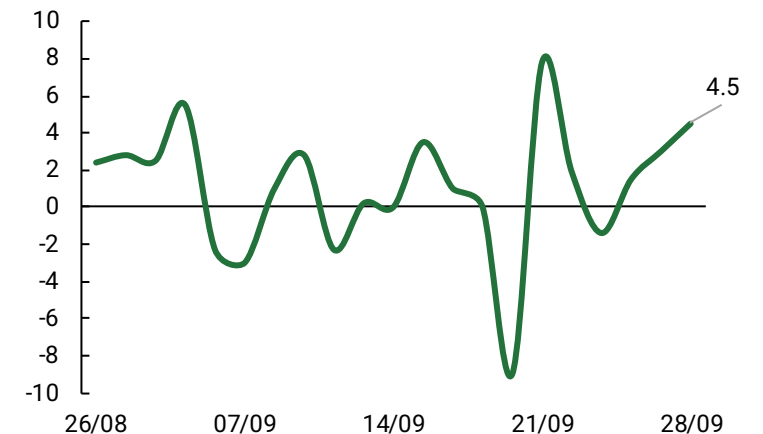
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



01/09	Mỹ, Việt Nam – Chỉ số PMI Việt Nam – Danh mục MSCI có hiệu lực
03/09	Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 8/2026
04/09	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/09	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
10 – 11/09	Mỹ – Chỉ số PPI, CPI EU – ECB công bố lãi suất
12/09	Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục
15/09	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
17/09	Mỹ – Fed công bố lãi suất Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
21/09	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Chính thức nâng hạng FTSE Russell
24/09	Thượng đỉnh Mỹ - Trung Thụy Sĩ – SNB công bố lãi suất
30/09	Mỹ – GDP Q2 lần 3, Chỉ số PCE

THÔNG TIN VĨ MÔ

NHNN bơm ròng hơn 34,000 tỷ đồng, lãi suất qua đêm giảm mạnh: Trong tuần 21–25/9, NHNN bơm ròng hơn 34,300 tỷ đồng qua thị trường mở, đưa lượng giấy tờ có giá lưu hành qua kênh cầm cố lên hơn 186,800 tỷ đồng. Lãi suất liên ngân hàng qua đêm giảm mạnh từ 6.84% đầu tuần xuống 1.1%/năm, mức thấp nhất kể từ cuối tháng 7. NHNN cũng triển khai hoán đổi USD/VND kỳ hạn 7 ngày với hạn mức tối đa 2 tỷ USD trong bối cảnh tỷ giá vẫn neo cao.

Đề xuất chuyển Quỹ bình ổn xăng dầu về Kho bạc Nhà nước: Bộ Công Thương đề xuất chuyển toàn bộ số dư dương của Quỹ bình ổn giá xăng dầu từ tài khoản tại các doanh nghiệp đầu mối về tài khoản do Bộ Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước. Tính đến cuối tháng 6, số dư từ nguồn trích lập thông thường còn hơn 196 tỷ đồng, trong khi nguồn liên quan đến tạm ứng ngân sách và hoàn trả tạm ứng còn hơn 1,714 tỷ đồng. Doanh nghiệp có số dư quỹ dương hoặc âm cũng phải thực hiện kiểm toán độc lập chuyên đề trong tối đa 12 tháng.

Đường cong lợi suất Mỹ tiến gần tín hiệu từng xuất hiện trước 8 cuộc suy thoái: Chênh lệch lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm và 2 năm có lúc thu hẹp còn 17 điểm cơ bản, thấp nhất từ đầu năm 2025. Kể từ năm 1978, đường cong 2 năm–10 năm đảo ngược trung bình khoảng 15 tháng trước các cuộc suy thoái của Mỹ, dù đây không phải tín hiệu dự báo tuyệt đối. Hiện lợi suất 2 năm ở quanh 4.9%, còn kỳ hạn 10 năm khoảng 5.2%, sau khi Fed tăng lãi suất lần đầu trong 3 năm và phát tín hiệu tiếp tục thắt chặt.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

PNJ - Cổ phiếu trắng bên mua sau kế hoạch lỗ hơn 6,000 tỷ đồng: PNJ giảm sàn trong phiên sáng 28/9 sau khi công bố kế hoạch điều chỉnh năm 2026 theo hướng lỗ sau thuế 6,271 tỷ đồng. Kế hoạch mới bao gồm khoản dự phòng 7,071 tỷ đồng cho tổn thất có thể phát sinh từ chính sách thu đổi hàng hóa đã bán; nếu loại trừ khoản dự phòng này, doanh nghiệp ước lỗ sau thuế khoảng 800 tỷ đồng. PNJ cũng dự kiến trình phương án huy động tối đa 8,000 tỷ đồng.

MSR - Công ty con Masan đăng ký bán hơn 110 triệu cổ phiếu: Masan Horizon đăng ký bán hơn 110 triệu cổ phiếu MSR trong giai đoạn 1/10–30/10, qua đó có thể giảm sở hữu tại MSR từ 92.45% xuống 82.45% vốn. Giao dịch nằm trong kế hoạch tái cấu trúc sở hữu, bao gồm chuyển nhượng 4.99% vốn MSR cho Elmet và tối đa 5.01% cho các nhà đầu tư tổ chức khác. Masan cho biết mục tiêu là tăng tỷ lệ free-float, cải thiện thanh khoản và đáp ứng điều kiện cơ cấu cổ đông để hướng tới niêm yết HOSE.

CTD - Đặt mục tiêu lãi 1,050 tỷ đồng, đề xuất không chia cổ tức: Coteccons dự kiến trình ĐHĐCĐ kế hoạch năm tài chính 2026 với doanh thu hợp nhất 42,000 tỷ đồng và LNST 1,050 tỷ đồng, tăng lần lượt 22% và 34%. Doanh nghiệp đề xuất không chia cổ tức, đồng thời cho biết backlog năm tài chính 2026 đạt khoảng 70,000 tỷ đồng và dòng tiền kinh doanh đã chuyển sang dương 829 tỷ đồng.

PGB - Chào bán hơn 267 triệu cổ phiếu giá 10,000 đồng/cp: PGBank dự kiến chào bán gần 267.3 triệu cổ phiếu ra công chúng với giá 10,000 đồng/cp, trong khi thị giá cổ phiếu PGB hiện đang dưới mệnh giá. Nếu hoàn tất, ngân hàng dự kiến thu về xấp xỉ 2,673 tỷ đồng để bổ sung vốn kinh doanh, phục vụ mục tiêu tăng vốn điều lệ lên 10,000 tỷ đồng trong năm 2026.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	32,400	31,150	-3.9%	Giảm tỷ trọng
CTG	29,850	40,700	36.3%	Mua
CTD	59,400	82,900	39.6%	Mua
DBD	46,200	66,000	42.9%	Mua
DDV	16,402	35,900	118.9%	Mua
DGW	45,550	47,500	4.3%	Nắm giữ
DPG	27,800	42,300	52.2%	Mua
DPR	37,550	46,500	23.8%	Mua
DRI	14,910	17,200	15.4%	Tăng tỷ trọng
EVF	11,450	14,400	25.8%	Mua
FRT	140,000	151,000	7.9%	Nắm giữ
GMD	77,300	88,900	15.0%	Tăng tỷ trọng
HAH	52,300	58,300	11.5%	Tăng tỷ trọng
HDG	15,350	30,900	101.3%	Mua
HHV	8,990	11,700	30.1%	Mua
HPG	20,200	31,600	56.4%	Mua
IMP	36,800	54,400	47.8%	Mua
KDH	15,300	38,800	153.6%	Mua
MCH	138,000	148,500	7.6%	Nắm giữ
MWG	72,000	115,600	60.6%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	19,800	27,500	38.9%	Mua
NLG	21,650	39,400	82.0%	Mua
NT2	20,800	27,700	33.2%	Mua
PHR	31,900	39,500	23.8%	Mua
PNJ	30,700	75,500	145.9%	Mua
PVS	33,400	33,250	-0.4%	Giảm tỷ trọng
PVT	23,450	26,000	10.9%	Tăng tỷ trọng
POW	12,650	17,500	38.3%	Mua
SAB	43,350	54,900	26.6%	Mua
SSI	20,150	31,200	54.8%	Mua
TLG	53,000	50,000	-5.7%	Giảm tỷ trọng
TCB	32,850	41,700	26.9%	Mua
TCM	15,650	35,300	125.6%	Mua
TRC	22,900	22,950	0.2%	Nắm giữ
VCB	58,300	79,700	36.7%	Mua
VPB	22,950	28,960	26.2%	Mua
VCG	13,700	23,300	70.1%	Mua
VHC	48,650	58,000	19.2%	Tăng tỷ trọng
VNM	60,300	66,650	10.5%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801